

Bản án số: **46/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 15/4/2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Duệ.

Ông Lang Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Vận – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh ngày 20/3/1989.

Nơi cư trú: **Xóm B, xã T, tỉnh Nghệ An**.

Số căn cước công dân: 040189040358

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình H1**, sinh ngày 02/9/1987.

Nơi đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: **Xóm B, xã T, tỉnh Nghệ An**.

Số căn cước công dân: 040087034501

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị **Vũ Thị H** trình bày: Chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Đình H1** đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2008, tại **Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An** (nay là **UBND xã D, tỉnh Nghệ An**). Thời gian sống chung với nhau thì vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh **H1** không chăm lo xây dựng gia đình, không quan tâm đến vợ, con. Vợ, chồng đã cố gắng thay đổi để vợ chồng hòa thuận, nuôi dạy các con nhưng không có kết quả. Vì mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Do không

thể chung sống được với nhau nên chị và anh H1 đã ly thân 8 năm nay. Nhận thấy hiện tại cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và không thể quay lại đoàn tụ với nhau nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Chị H và anh H1 có hai người con chung là Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 23/9/2008 và Nguyễn Bá Khánh T, sinh ngày 13/10/2015. Hiện tại các con đang ở với chị H, do H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình H1: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh Nguyễn Đình H1 có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án và cung cấp địa chỉ hiện tại thông qua ông Nguyễn Đình T1, bà Đặng Thị V là bố, mẹ của anh H1. Nhưng hiện anh H1 vẫn vắng mặt và cũng không có lý do. Theo trình bày của ông T1, bà V: Anh H1 hiện đang đi làm ăn ở Singapore, có điện thoại về cho gia đình nhưng không nói địa chỉ hiện tại của anh H1 ở đâu nên ông, bà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H1. Ông, bà đã thông báo cho anh H1 biết việc chị H làm đơn ly hôn tại Tòa án, ý kiến của anh Hợp đồng Ý ly hôn và giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Theo kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 76/QLXNC-Đ1 ngày 08/01/2026 của Phòng Q Công an tỉnh N: Anh Nguyễn Đình H1 có thông tin xuất cảnh ngày 03/12/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H được ly hôn anh H1; Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 23/9/2008 và Nguyễn Bá Khánh T, sinh ngày 13/10/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H1; Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đình H1 có nơi thường trú trước khi xuất cảnh tại xóm B, xã T, tỉnh

Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An theo quy định tại điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án anh **Nguyễn Đình H1** vắng mặt, Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đối với anh **H1** thông qua người thân là bố, mẹ của anh **H1** là ông **Nguyễn Đình T1** và bà **Đặng Thị V**. Ông **T1**, bà **V** cho biết anh **H1** đang đi xuất khẩu lao động tại Singapore, không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài cung cấp cho ông, bà nên ông, bà không có địa chỉ của anh **H1** cung cấp cho Tòa án. Ông **T1**, bà **V** đã thông báo cho anh **H1** biết việc chị **H** làm đơn ly hôn tại Tòa án, ý kiến của anh **H1** là đồng ý ly hôn, đồng ý giao các con chung cho chị **H** nuôi dưỡng. Kết quả xác minh tại **Phòng Q – Công an tỉnh N**: Anh **Nguyễn Đình H1** đã xuất cảnh ngày 03/12/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Như vậy bị đơn đã cố tình che giấu địa chỉ, ngoài ra bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của chị **Nguyễn Thị H2** và anh **Nguyễn Đình H1** là hôn nhân hợp pháp, đảm bảo về điều kiện kết hôn và được đăng ký kết hôn đúng quy định. Sau khi kết hôn, chị **H2** và anh **H1** sống chung không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị **H2** và anh **H1** sống ly thân trong thời gian dài và không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án chị **H2** giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh **H1**. Xét thấy hôn nhân của chị **H2**, anh **H1** lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị **H2**, cho chị **H2** được ly hôn anh **H1**.

[3] Về con chung: Giữa chị **Vũ Thị H**, anh **Nguyễn Đình H1** có hai người con chung là **Nguyễn Thị Bảo N**, sinh ngày 23/9/2008 và **Nguyễn Bá Khánh T**, sinh ngày 13/10/2015. Hai người con chung đều có nguyện vọng được ở với chị **H**. Chị **H** cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai người con chung. Chị **H** có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có các điều kiện đảm bảo cho việc học tập, giáo dục các con phát triển lành mạnh. Anh **Nguyễn Đình H1** hiện tại đang ở nước ngoài nên hiện tại không thể trực tiếp nuôi con. Do đó, căn cứ quyền lợi mọi mặt của con chung, chấp nhận yêu cầu của chị **H**, giao cháu **N** và cháu **T** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh **H1**.

[4] Về tài sản chung: Chị **Vũ Thị H** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Vũ Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị H** được ly hôn anh **Nguyễn Đình H1**.

2. Về giao nuôi con: Giao hai con chung **Nguyễn Thị Bảo N**, sinh ngày 23/9/2008 và **Nguyễn Bá Khánh T**, sinh ngày 13/10/2015 cho chị **Vũ Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4/2026 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh **Nguyễn Đình H1**.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích của con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị **Vũ Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị **Vũ Thị H** đã nộp theo biên lai thu số 0003424 ngày 05 tháng 12 năm 2025 tại Cơ quan Thi hành án dân tỉnh Nghệ An.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Bị đơn đang cư trú ở nước ngoài, vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND KV 10;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn Lợi, tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lô Văn Linh